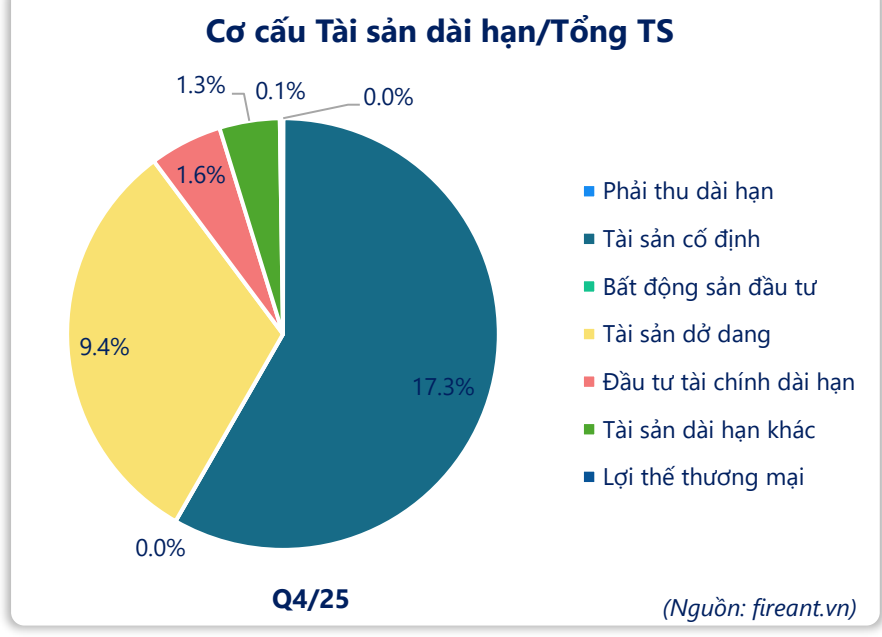
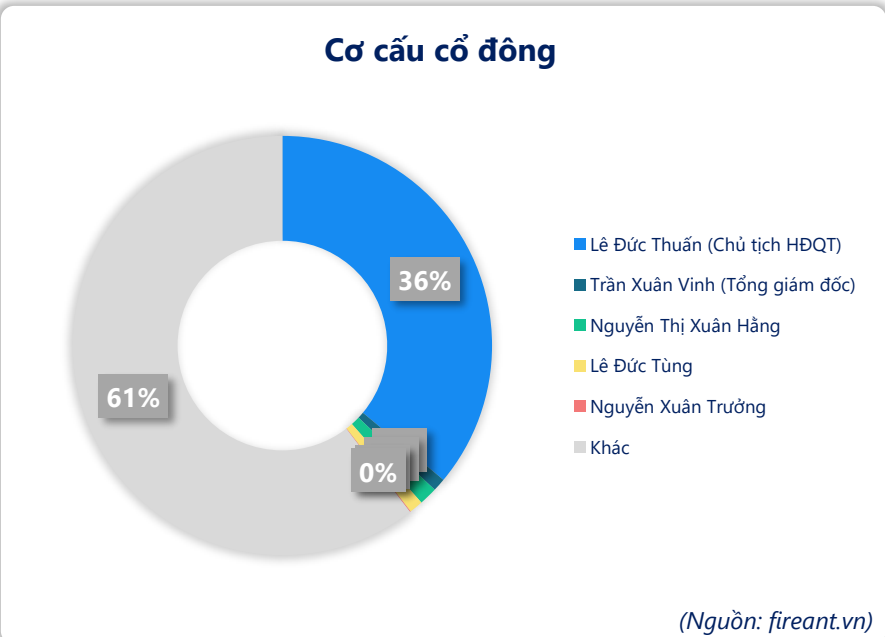
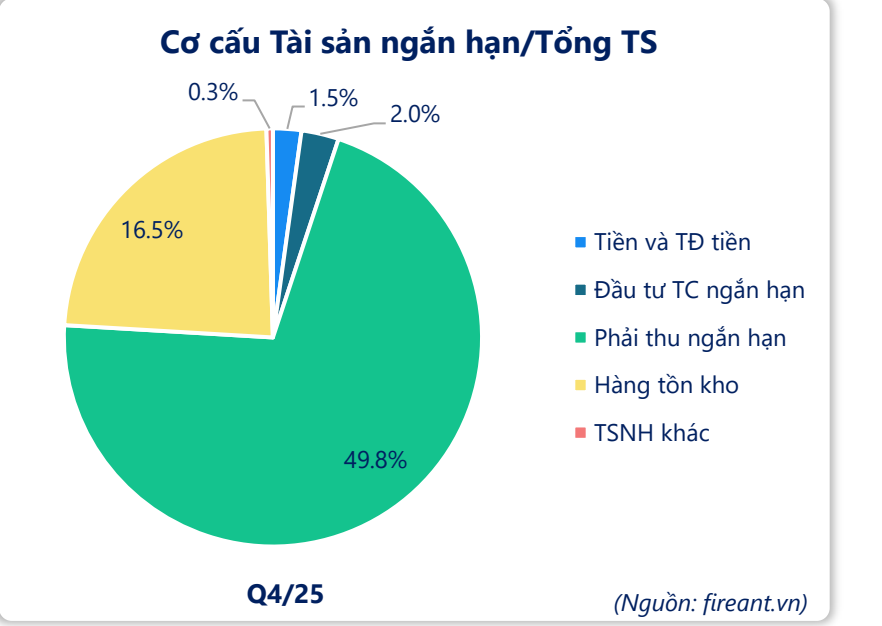
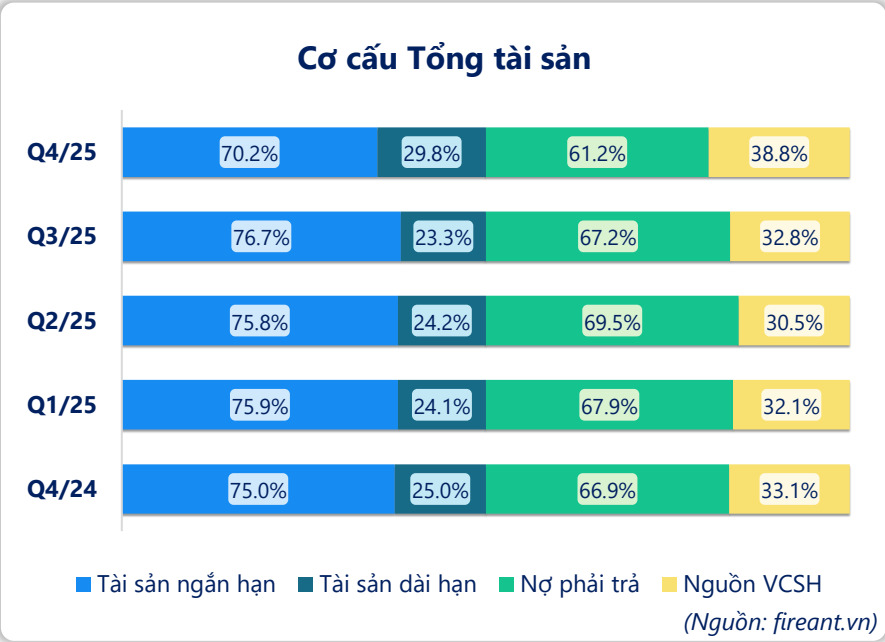
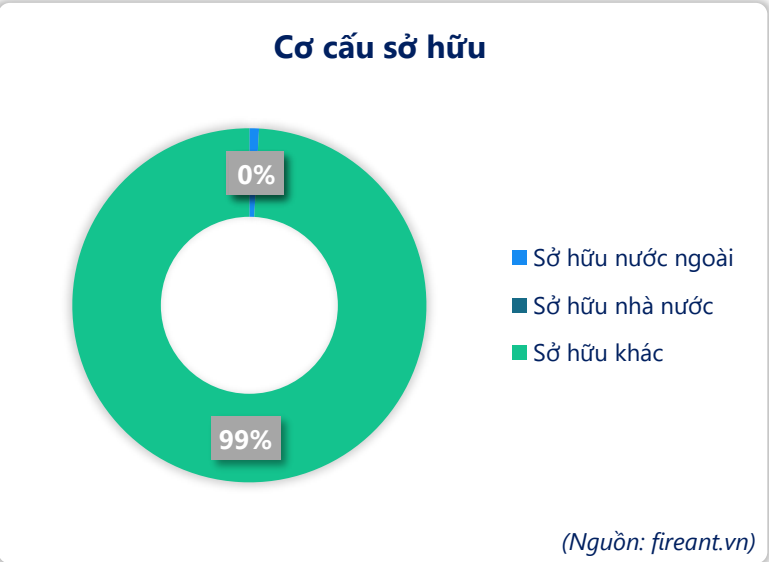
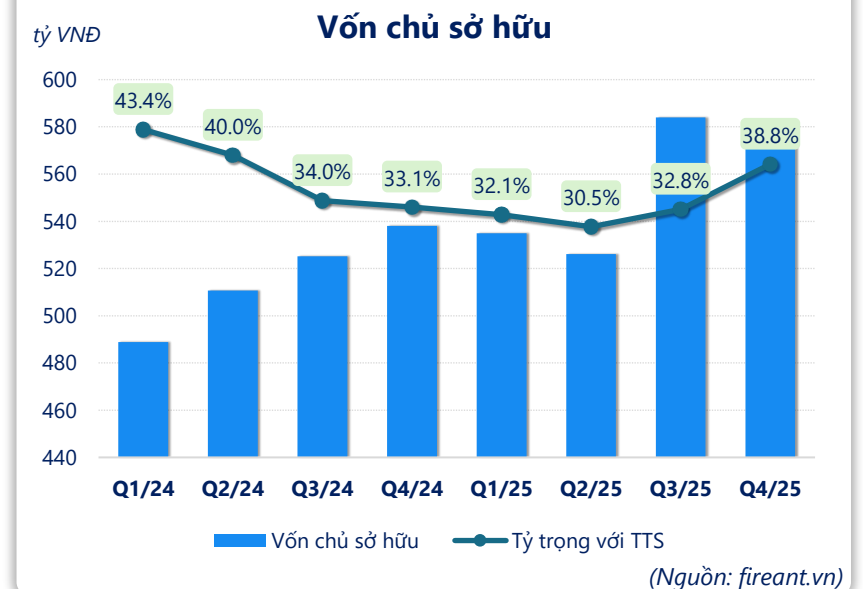
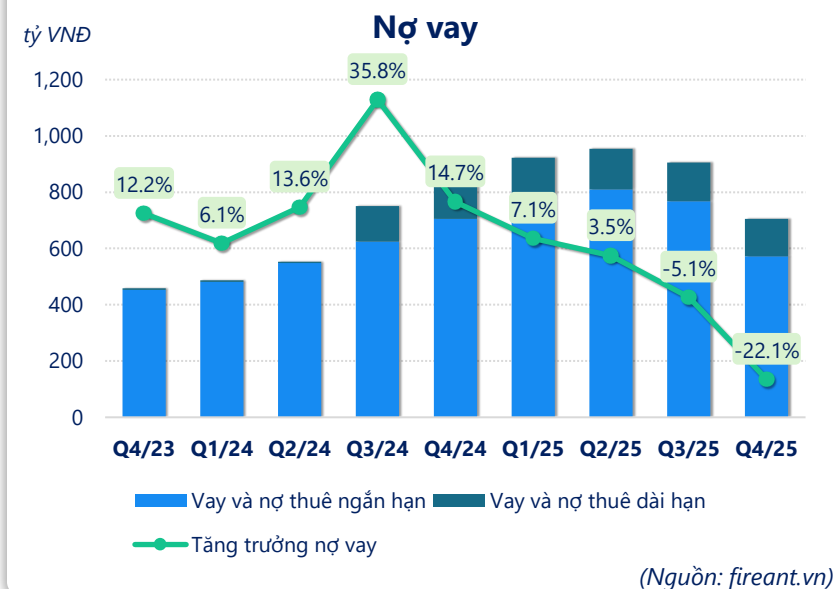
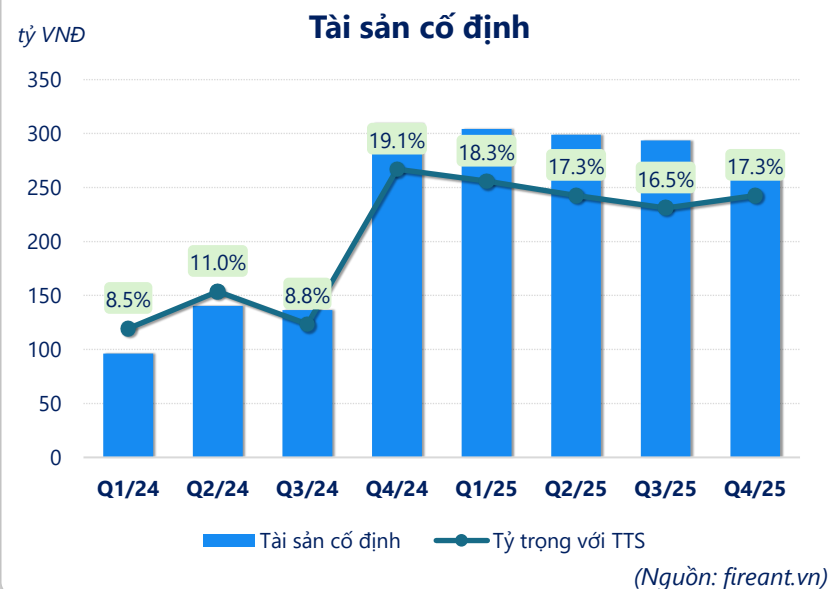
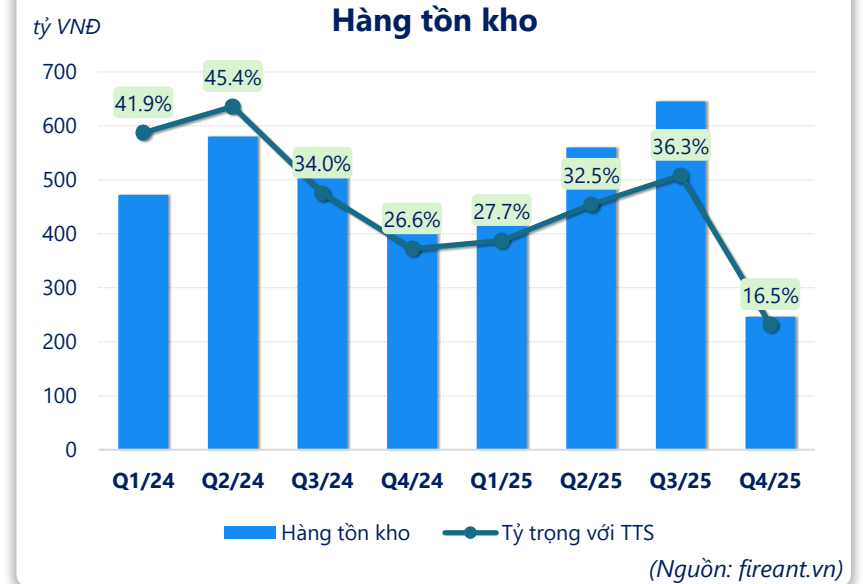
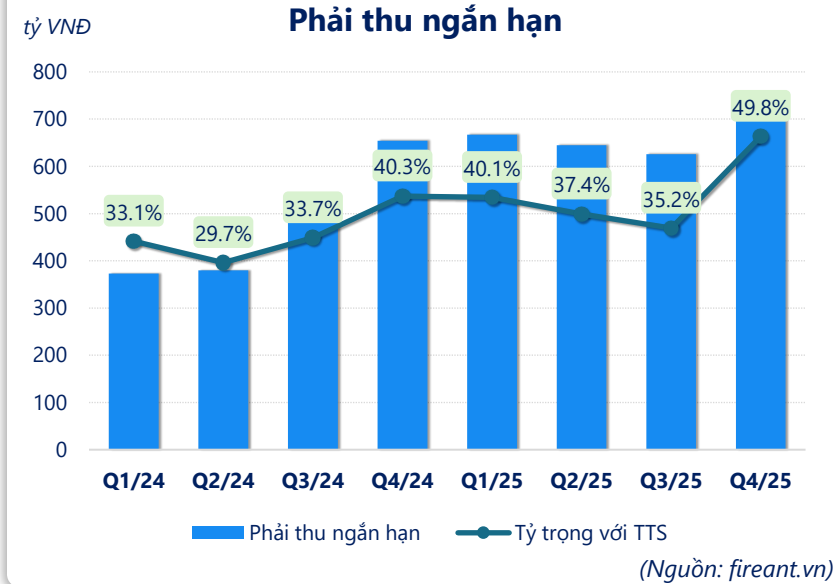
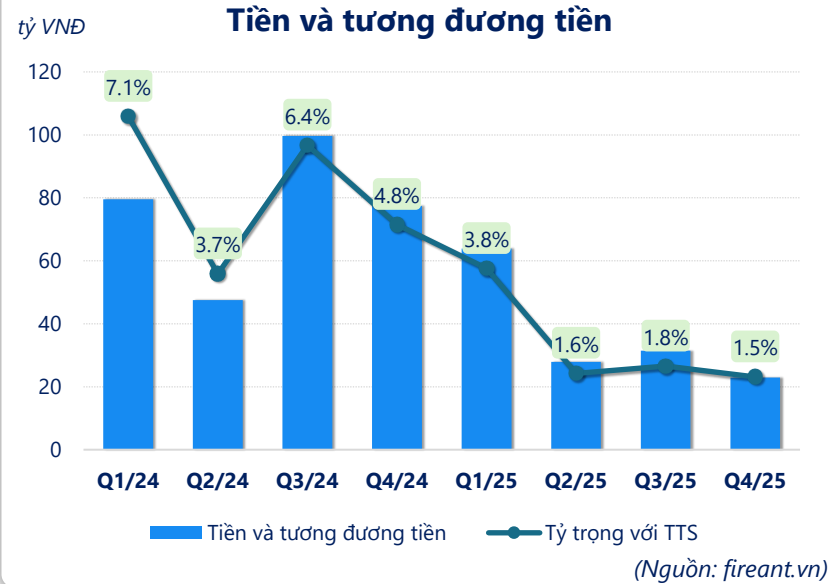
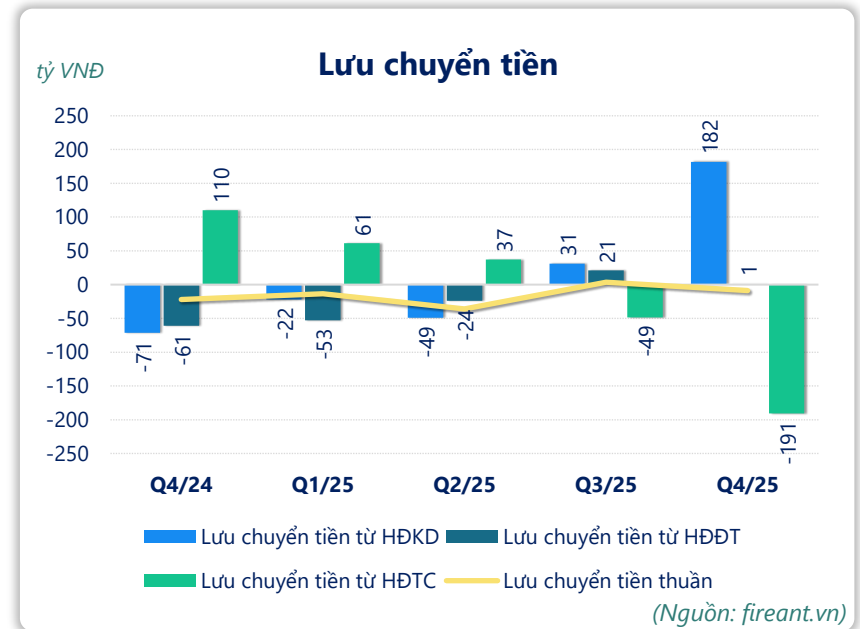
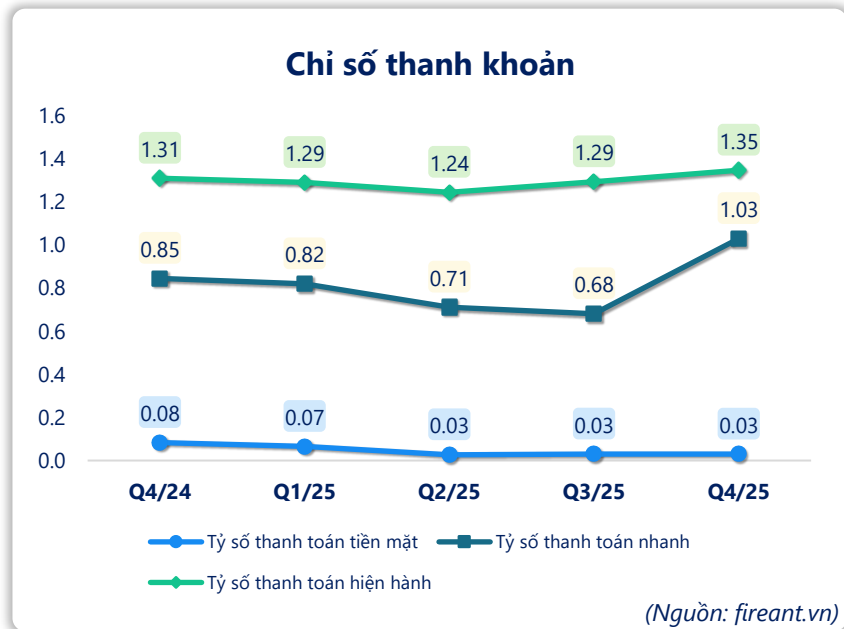
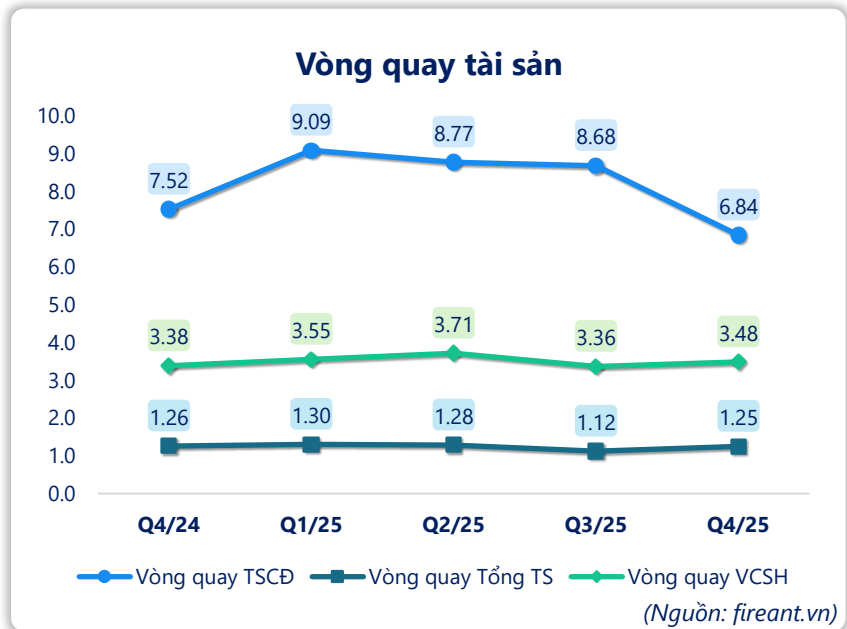
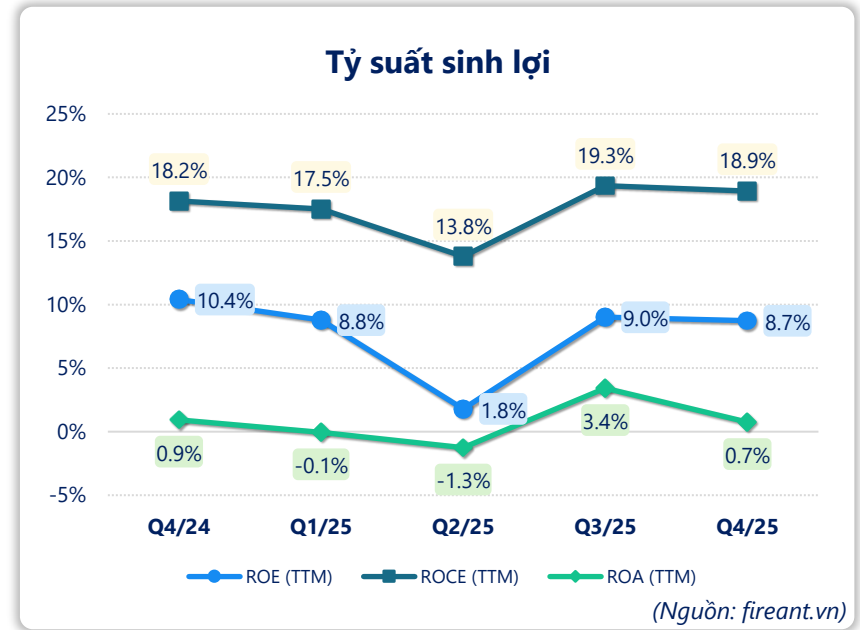
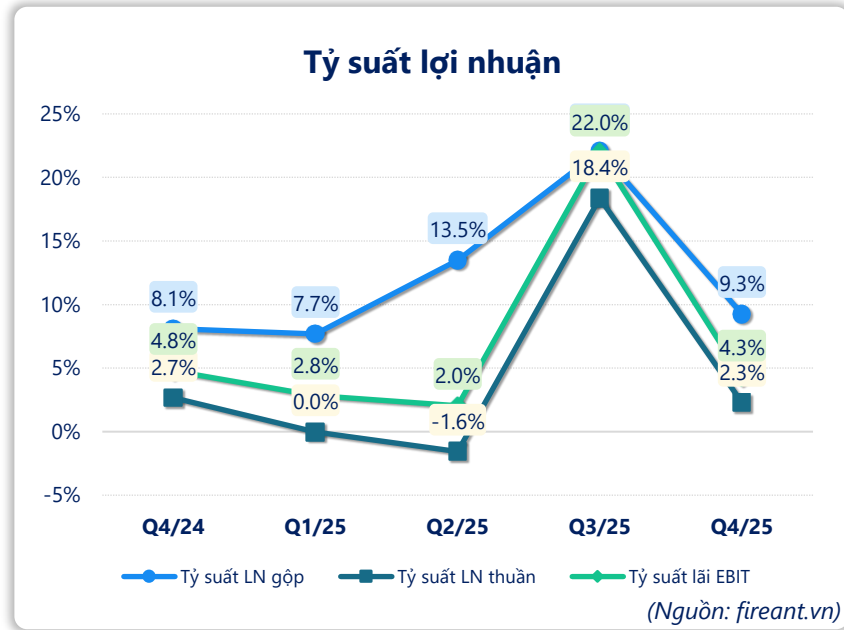
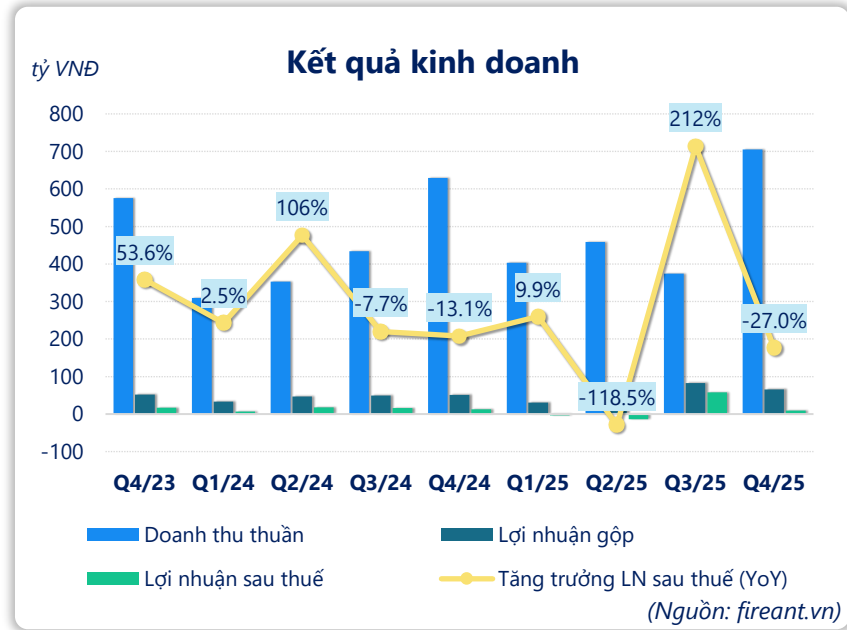


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,400
SL cổ phiếu LH		31,249,394
KLGD BQ 20 phiên (CP)		183,117
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		228
P/E		4.7
EPS		1,556

	YTD	1T	3T	6T
BNA	-27.7%	-5.2%	7.4%	-2.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,487	1,617	-8.1%
Tài sản ngắn hạn	1,044	1,211	-13.7%
Tiền và tương đương tiền	22.9	77.5	-70.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.2	34.9	-13.5%
Phải thu ngắn hạn	740	643	15.1%
Hàng tồn kho	246	436	-43.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.20	19.5	-73.3%
Tài sản dài hạn	443	407	8.8%
Phải thu dài hạn	0.15	0.15	1.3%
Tài sản cố định	258	310	-16.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	139	74.7	86.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	24.1	0	
Tài sản dài hạn khác	20.0	20.4	-2.1%
Lợi thế thương mại	1.04	1.55	-33.1%
Nợ phải trả	910	1,078	-15.6%
Nợ ngắn hạn	775	922	-15.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	572	706	-18.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	104	135	-23.3%
Nợ dài hạn	135	156	-13.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	133	155	-14.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	577	539	7.0%
Vốn chủ sở hữu	577	539	7.0%
Vốn điều lệ	312	312	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	630	403	459	374	705
Giá vốn hàng bán	579	372	397	292	640
Lợi nhuận gộp	51.0	31.0	62.0	82.6	65.4
Doanh thu HĐTC	2.09	1.58	3.52	1.27	1.27
Chi phí TC	15.5	14.1	17.8	16.9	18.1
Chi phí lãi vay	13.2	13.9	17.9	16.9	16.9
LN trong công ty LKLD	0	0	-31.1	24.5	-0.27
Chi phí bán hàng	11.8	11.6	16.8	14.3	21.8
Chi phí QLDN	9.02	7.03	6.91	8.42	10.3
LN thuần từ HĐKD	16.8	-0.14	-7.18	68.7	16.1
Lợi nhuận khác	0.15	-2.33	-1.41	-3.42	-2.88
LN trước thuế	17.0	-2.47	-8.59	65.3	13.2
Lợi nhuận sau thuế	13.0	-3.77	-13.8	57.6	8.97
LNST của CĐ cty mẹ	12.8	-0.86	-18.9	56.8	11.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-71.2	-22.1	-49.1	31.0	182
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-61.0	-52.8	-24.0	21.1	0.53
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	110	61.2	37.1	-48.5	-191
Tiền đầu kỳ	99.7	77.5	63.9	27.9	31.5
Lưu chuyển tiền thuần	-22.2	-13.6	-36.0	3.57	-8.56
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	77.4	63.9	27.9	31.5	22.9

(Nguồn: fireant.vn)